

Nhận diện nguy cơ vi phạm đạo đức kinh doanh trong lĩnh vực ngân hàng ở Việt Nam

Viên Thế Giang*

Đạo đức kinh doanh nói chung, đạo đức kinh doanh ngân hàng nói riêng là vấn đề mới cả về lý luận và thực tiễn ở Việt Nam và chúng chỉ được quan tâm nghiên cứu từ hơn 10 năm trở lại đây, do vậy, việc đánh giá hành vi kinh doanh của các tổ chức tín dụng (TCTD) có vi phạm đạo đức kinh doanh hay không là điều rất khó khăn. Mục tiêu của nghiên cứu này là làm rõ những vấn đề lý luận về đạo đức kinh doanh ngân hàng và nhận diện những nguy cơ vi phạm đạo đức kinh doanh trong hoạt động ngân hàng ở nước ta hiện nay.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự phát triển của nền kinh tế mỗi quốc gia, đến một giai đoạn nhất định sẽ bộc lộ những điểm yếu, những khuyết tật mà khi nhìn nhận lại người ta sẽ thấy những sai lầm trong cách định hướng phát triển. Và cũng trong bối cảnh đó, người ta mới sực nhớ ra rằng, dù làm bất kỳ ngành nghề, lĩnh vực nào cũng cần dựa trên nền tảng đạo đức, luân lý để tránh điều ác, tăng cường điều thiện, củng cố lòng nhân ái của mỗi con người. Kinh doanh là hoạt động nhằm mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp qua mỗi khâu sản xuất, kinh doanh. Nếu lợi nhuận doanh nghiệp kiếm được phù hợp với luật pháp và đạo đức xã hội sẽ rất bền vững, và ngược lại, nếu lợi nhuận doanh nghiệp đạt được dựa trên sự “vô nguyên tắc” hay vi phạm đạo đức, lợi nhuận đó sẽ không bền vững, sớm hay muộn, những người kiếm lợi bất chính sẽ gánh chịu hậu quả.

Diễn biến phát triển của thị trường ngân hàng, từ hệ quả của cuộc cạnh tranh trong hoạt động ngân hàng ngày càng trở nên khốc liệt, xã hội bắt đầu lo ngại về hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh ở những mức độ khác nhau của các TCTD, người quản lý ngân hàng cũng như cán bộ nghiệp vụ của các TCTD ở những mức độ khác nhau. Và hiện nay, người ta đang tìm nhiều biện pháp khác nhau để ngăn ngừa tình trạng vi phạm đạo đức kinh doanh trong hoạt động ngân hàng, bởi lẽ, khác so với pháp luật, hành vi đạo đức được thực hiện và thôi thúc bởi ý thức chủ quan của con người, được thực hiện trên tinh thần tự nguyện và sự đánh giá của dư luận xã hội.

* NCS. Học viện Khoa học xã hội

2. TỔNG QUAN VỀ ĐẠO ĐỨC KINH DOANH NGÂN HÀNG

Ở mức độ khái quát có thể hiểu, đạo đức kinh doanh là tổng hợp các qui tắc, nguyên tắc, chuẩn mực, nhờ đó, TCTD tự giác điều chỉnh hành vi của mình với môi trường kinh doanh sao cho phù hợp với lợi ích và hạnh phúc của con người, với tiến bộ xã hội và với sự phát triển một cách bền vững, thể hiện sự tôn trọng của TCTD đối với đối thủ cạnh tranh, người tiêu dùng cũng như toàn xã hội. TCTD là doanh nghiệp được thành lập để thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động ngân hàng. Theo quy định của Luật Các TCTD năm 2010, hoạt động ngân hàng là việc kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số nghiệp vụ sau đây¹: i) Nhận tiền gửi; ii) Cấp tín dụng; iii) Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản. Từ định nghĩa này, có thể rút ra đặc thù của đạo đức kinh doanh ngân hàng như sau:

Thứ nhất, đạo đức kinh doanh ngân hàng là những quy tắc, chuẩn mực quy định dành cho các TCTD trong hoạt động kinh doanh. Với tư cách là một chủ thể xã hội, TCTD chịu sự tác động đồng thời của nhiều quy tắc, chuẩn mực nhằm hướng đến hành vi kinh doanh của TCTD là lành mạnh, có trách nhiệm với xã hội. Đó có thể là:

Hệ thống quy định pháp luật về kinh doanh ngân hàng. Hệ thống quy định này do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế Nhà nước. Nếu TCTD vi phạm quy định này sẽ bị Nhà nước áp dụng các biện pháp chế tài xử lý theo quy định.

- Hệ thống chuẩn mực, quy tắc được ban hành bởi Hiệp hội Ngân hàng. Đây là những quy tắc do Hiệp hội đặt ra cho các thành viên của mình nhằm hướng tới bảo đảm môi trường hoạt động kinh doanh an toàn, bình đẳng cho mỗi thành viên.

- Hệ thống chuẩn mực, quy tắc do chính TCTD đặt ra. Đây là hệ thống giá trị cốt lõi, thể hiện tầm nhìn chiến lược, quan điểm, mục tiêu kinh doanh của mỗi TCTD. Hệ thống chuẩn mực này không chỉ áp dụng cho chính TCTD mà còn là cơ sở để đánh giá, phân loại nhân viên, là căn cứ đầu tiên và quan trọng nhất để xác lập, duy trì, thực thi đạo đức kinh doanh trên thực tế.

Theo Ngô Thái Phụng (2011), quy tắc đạo đức kinh doanh ngân hàng cần bao gồm và đề cập đến sáu nội dung, giá trị đạo đức cơ bản sau: i) tính trung thực; ii) tính công bằng; iii) tính tin cậy, iv) đúng pháp luật; iv) tính minh bạch và vi) trách nhiệm xã hội². Tuy nhiên, hành vi đạo đức phản ánh nhận thức chủ quan của người thực hiện hành vi và được xác định bởi dư luận xã hội. Vũ Trọng Dung (2011) cho rằng³, “trong các quan hệ đạo đức, yếu tố khách quan của hành vi không phải lúc nào cũng trùng với yếu tố chủ quan của nó. Có rất nhiều hành vi, xét về mặt đạo đức tuyệt đối thì là vô đạo

đức nhưng xét về mặt ý nghĩa xã hội thì nó lại là có đạo đức”. Do vậy, đối với TCTD, khi xem xét hành vi đạo đức trong kinh doanh cần phải làm rõ mục đích, động cơ của hành vi mới có thể xác định được hành vi đó có phù hợp với đạo đức kinh doanh hay không. Khi đứng trước những cơ hội kinh doanh, TCTD cần thận trọng để tránh sự tác động quá mạnh mẽ của lợi nhuận và sự thôi thúc của lòng tham có thể dẫn đến TCTD thực hiện hành vi trái với đạo đức kinh doanh, xâm phạm quyền lợi của khách hàng...

Thứ hai, đạo đức kinh doanh ngân hàng phản ánh trình độ phát triển thị trường ngân hàng qua các giai đoạn phát triển khác nhau. Trước khi chuyển sang hoạt động theo cơ chế thị trường (mô hình ngân hàng hai cấp), vấn đề đạo đức kinh doanh ngân hàng không được đặt ra, nó được đồng nhất với đạo đức công vụ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ “cấp phát vốn” của công chức ngân hàng. Sau khi chuyển sang hoạt động theo cơ chế thị trường, hoạt động kinh doanh ngân hàng phải tuân theo quy luật vốn có của kinh tế thị trường, và theo đó, những chuẩn mực đạo đức kinh doanh cũng dần được xã hội yêu cầu và để thành công trong kinh doanh, các TCTD từng bước xác lập các giá trị kinh doanh.

Tuy nhiên, do thị trường ngân hàng nước ta chưa thực sự phát triển, do vậy, hiện tượng vi phạm đạo đức kinh doanh vẫn còn diễn ra khá phổ biến. Do đó, nếu thị trường càng phát triển, các yêu cầu về chuẩn mực đạo đức kinh doanh theo đó cũng dần nâng lên. Khi thị trường phát triển, người ta quan tâm nhiều đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội, cơ hội san sẻ lợi ích của các thành viên tham gia thị trường.

Thứ ba, việc thực hành đạo đức kinh doanh ngân hàng của TCTD phụ thuộc vào đạo đức của người quản lý, điều hành của chính TCTD đó. Người quản lý điều hành TCTD chính là lực lượng cụ thể hóa các giá trị cốt lõi của TCTD và đưa nó vào trong thực tiễn thông qua các quyết định quản lý kinh doanh. Điều này có nghĩa là, hành vi đạo đức kinh doanh của TCTD được thực hiện và đánh giá thông qua hành vi của người quản lý điều hành TCTD, là tấm gương phản chiếu giá trị cốt lõi của mỗi TCTD. Chẳng hạn, phong cách lãnh đạo của Ngân hàng thương mại cổ phần Bru điện Liên Việt là⁴: i) Lấy đức, lấy tài, lấy học thức để quản người; ii) Tam tông: Tông tâm - Tông thực - Tông minh (Hướng đến cái mới, thực tế và thực tiễn, minh bạch và công khai); iii) Không ngừng nâng cao trình độ qua “Học kỹ - Đọc hiểu - Viết lách”; iv) Học ở trường đời chiếm kiến thức, học ở thất bại chiếm 60% thắng lợi tương lai; v) Mục tiêu: Tầm nhìn - Cảm hứng - Hiệu quả; vi) Thực hiện 10 chữ vàng: “Lắng nghe - Thấu hiểu - Bàn bạc - Quyết định - Quyết liệt”. Khẳng định một cách hình ảnh hơn “LienVietPostBank là con tàu, Hội đồng Quản trị là ngọn hải đăng, Ban Điều hành là chỉ huy giỏi, cán bộ - nhân viên là thủy thủ tinh nhuệ”⁵, cho thấy, vị trí, vai trò quan trọng của người

quản lý, điều hành TCTD trong việc xác lập và duy trì đạo đức kinh doanh của toàn hệ thống mạng lưới của TCTD.

Thứ tư, đạo đức kinh doanh ngân hàng dễ bị tha hóa do tác động của lợi nhuận, lòng tham và sự chi phối của các nhóm lợi ích hơn so với những lĩnh vực kinh doanh khác. Khác so với những lĩnh vực kinh doanh khác, quá trình tác nghiệp của cán bộ quản lý, nhân viên ngân hàng thường xuyên tiếp xúc với những tài sản có giá trị lớn. Những giá trị tài sản này có mối liên hệ mật thiết với các quyết định của cán bộ ngân hàng, do vậy, trong nhiều trường hợp, chỉ cần “tặc lưỡi” hay nhắm mắt cho qua hoặc chỉ là tiếp tay hoặc bỏ qua những lỗi của khách hàng, cán bộ ngân hàng có thể thu được khoản tiền “thù lao” xứng đáng. Do vậy, nếu đạo đức kinh doanh ngân hàng không được thường xuyên rèn luyện, hun đúc sẽ dễ bị tham hóa, bị cám dỗ. Chẳng hạn, thời gian gần đây, nhiều vụ việc tham ô xảy ra tại các ngân hàng, không chỉ làm mất tài sản, mất nhân sự mà còn làm ảnh hưởng uy tín, thương hiệu của ngân hàng⁶. Theo đó, tại một số ngân hàng thương mại cũng đã xảy ra nhiều vụ việc liên quan đến rủi ro tác nghiệp, rủi ro đạo đức biểu hiện ở một số hành vi như: Cán bộ, nhân viên ngân hàng nhận lợi ích vật chất của khách hàng để cấp tín dụng đảo nợ, cho vay dự án nhiều rủi ro; lợi dụng lòng tin khách hàng để vay kén, vay kèm; cố ý gây khó với khách hàng để họ “tự giác” bồi dưỡng; đánh cắp mật mã máy tính của lãnh đạo đơn vị để thực hiện hành vi ký duyệt lệnh chuyển tiền vào tài khoản của mình... Chính vì vậy, trong số các rủi ro ngân hàng, rủi ro tác nghiệp hay rủi ro đạo đức là khó kiểm soát nhất⁷.

Thứ năm, đạo đức kinh doanh ngân hàng chịu sự chi phối mạnh mẽ của Hiệp hội Ngân hàng và dư luận xã hội. Hiệp hội Ngân hàng là tổ chức đại diện cho các TCTD có tôn chỉ, mục đích, đường hướng hoạt động nhất định nhằm mục đích bảo vệ và định hướng cho thành viên hoạt động đúng pháp luật cũng như những quy tắc do hiệp hội ngành nghề đặt ra. Hiệp hội Ngân hàng có vai trò quan trọng trong việc hình thành những quy tắc ứng xử cho các TCTD thành viên, là tiền đề cho việc hình thành những chuẩn mực ứng xử được cộng đồng doanh nghiệp thành viên tán thành và tuân thủ, những chuẩn mực ứng xử này sẽ là cơ sở cho việc đưa ra những phán quyết khi phát sinh mâu thuẫn giữa các thành viên. Nói cách khác, thông qua tôn chỉ, mục đích, đường hướng hoạt động của mình, Hiệp hội Ngân hàng sẽ hình thành những chuẩn quy tắc ứng xử giữa các thành viên phù hợp với đặc thù của ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh, làm tiền đề cho việc phán xử những hành vi vi phạm của các thành viên.

3. NHẬN DIỆN NGUY CƠ VI PHẠM ĐẠO ĐỨC KINH DOANH TRONG HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Là thị trường mới nổi và đang cố gắng gồng mình đáp ứng những đòi hỏi khắt khe của quá trình hội nhập quốc tế đã làm cho tình trạng vi phạm pháp luật ngày càng tăng với tính chất, mức độ ngày càng nghiêm trọng. Ngoài vi phạm pháp luật, tình trạng vi phạm đạo đức kinh doanh - tức là những hành vi không bị xử lý bởi các quy định pháp luật ngày càng trở nên phổ biến càng làm cho niềm tin của công chúng vào hệ thống ngân hàng ngày càng suy giảm, nguy cơ đổ vỡ trong kinh doanh của hệ thống ngân hàng ngày càng trở nên rõ ràng hơn bao giờ hết. Song hành với việc củng cố, nâng cao ý thức pháp luật trong hoạt động kinh doanh ngân hàng thì việc nhận diện nguy cơ vi phạm đạo đức kinh doanh càng trở nên cấp thiết, bởi lẽ, chỉ khi nhận diện đúng những nguy cơ vi phạm đạo đức kinh doanh sẽ giúp cho nhà quản trị ngân hàng có được biện pháp xử lý/quản trị tốt nhất. Theo chúng tôi, những nguy cơ vi phạm đạo đức kinh doanh trong hoạt động ngân hàng hiện nay bao gồm:

Một là, xuất phát từ vị trí, vai trò quan trọng, chi phối, ảnh hưởng các lĩnh vực kinh tế - xã hội đã làm xuất hiện nguy cơ lạm dụng/vi phạm đạo đức kinh doanh thứ nhất, đó chính là sự lạm dụng vị trí là các trung gian tài chính, là “trạm chung chuyển” vốn cho nền kinh tế, nên việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng từ phía các ngân hàng thương mại dễ hay khó, ngoài việc tuân thủ các quy tắc để bảo đảm an toàn hoạt động, người đi vay phải đáp ứng những yêu cầu về tín dụng khắt khe của các TCTD. Nội dung của hoạt động ngân hàng là huy động tiền gửi và cấp tín dụng cho nền kinh tế theo nguyên lý cơ bản là đưa tiền tệ từ nơi “thừa” đến nơi “thiếu” để đồng tiền có thể đi vào quá trình sản xuất, kinh doanh tạo ra giá trị cho nền kinh tế mà thực chất là làm nhiệm vụ luân chuyển vốn trong nền kinh tế. Để tiếp cận được nguồn vốn tín dụng do TCTD cung cấp, người vay tiền phải đáp ứng yêu cầu vay vốn do pháp luật và TCTD quy định. Tuy nhiên, trong thực tiễn, việc vay vốn của khách hàng không phải lúc nào cũng thuận lợi, bởi lẽ, nếu TCTD gây khó khăn cho khách hàng trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng sẽ gây khó khăn cho việc thực hiện chiến lược kinh doanh của khách hàng, ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các mục tiêu tăng trưởng.

Hai là, hoạt động ngân hàng là hoạt động mang tính “nhạy cảm” với các biến động của kinh tế - chính trị - xã hội và mang nhiều rủi ro. Ở mức độ khái quát, có thể nhận dạng các loại rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngân hàng bao gồm⁸: i) rủi ro thị trường (lãi suất, ngoại hối, chứng khoán...); ii) rủi ro tín dụng (người vay vỡ nợ hoặc các sự cố tín dụng khác...); iii) rủi ro thanh khoản (mất khả năng chi trả dẫn đến rút tiền ồ ạt) và iv) rủi ro tác nghiệp/rủi ro vận hành. Trong số 4 nhóm rủi ro nói trên thì nhóm rủi ro tác nghiệp hay còn gọi là rủi ro vận hành rất khó quản trị vì chúng liên quan trực tiếp đến công nghệ và đạo đức cán bộ ngân hàng. Rủi ro đạo đức có thể xảy

ra ở bất kỳ các lĩnh vực nào, nhưng ngân hàng là ngành thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với tiền, tài sản quý nên chúng xuất hiện nhiều và rõ nét hơn. Những bộ phận tiếp xúc với khách hàng, với tiền mặt thường có nguy cơ cao về loại hình rủi ro này. Như vậy, nguy cơ xuất hiện vi phạm đạo đức kinh doanh ngân hàng thứ hai, đó là việc các ngân hàng, nhà quản trị, nhân viên ngân hàng không tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, lạm dụng vị trí công tác của mình hoặc gây sức ép đối với khách hàng để trục lợi với nhiều hành vi như cán bộ tín dụng móc nối với bộ phận liên quan lấy phôi trắng lập sổ tiết kiệm không; tự ý lấy sổ tiết kiệm khách hàng điền thêm số tiền rồi đem thế chấp ở ngân hàng khác, rút tiền đánh chứng khoán, buôn đất; hay nhận hối lộ khách hàng để cấp tín dụng đảo nợ, cho vay dự án nhiều rủi ro; lợi dụng lòng tin khách hàng để vay ké, vay kèm; cố ý gây khó với khách hàng để nhận “bồi dưỡng” hoặc lợi dụng chính sách của Nhà nước để trục lợi...⁹ Do đó, đối với nhân viên ngân hàng, bảo đảm các tiêu chuẩn đạo đức cho người quản trị, nhân viên tác nghiệp ngân hàng luôn được các ngân hàng quan tâm và thường xuyên rà soát.

Ba là, hoạt động ngân hàng là hoạt động kinh doanh có điều kiện, được tiến hành bởi các TCTD và chịu sự quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi chung là NHNN). Mục tiêu quản lý nhà nước về tiền tệ và hoạt động ngân hàng là tác động của NHNN tới các chủ thể tham gia thị trường tiền tệ nhằm mục đích ổn định giá trị đồng tiền; bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng và hệ thống các TCTD; bảo đảm sự an toàn, hiệu quả của hệ thống thanh toán quốc gia; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa¹⁰. Tuy nhiên, thực tế điều hành thị trường ngân hàng của NHNN thời gian qua cho thấy, nó chưa được các TCTD tuân thủ triệt để, đôi khi còn có biểu hiện coi thường pháp luật, coi thường các biện pháp quản lý, tác động vào thực tiễn vận hành thị trường. Thực tế này xuất hiện nguy cơ xuất hiện hành vi vi phạm đạo đức thứ ba trong hoạt động kinh doanh ngân hàng, đó là việc các TCTD “phát kiến” ra nhiều biện pháp nhằm đối phó với quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tuân thủ pháp luật là tiền đề quan trọng cho việc củng cố, nâng cao ý thức đạo đức cho mỗi người. Khi pháp luật không được tuân thủ, dường như xã hội cảm thấy bất an khi mà những giá trị, những chuẩn mực, “trật tự hợp lý” do Nhà nước đặt ra không được tuân thủ một cách triệt để. Chẳng hạn, khi Chính phủ buộc phải chấp nhận “gia hạn tăng vốn pháp định”¹¹ đối với TCTD không tăng vốn đúng hạn đến hết ngày 31/12/2011, chúng ta thấy, dường như NHNN đã “thất bại” trong việc quản lý nhà nước về tiền tệ và hoạt động ngân hàng, thực tiễn diễn biến thiếu tích cực của thị trường đã “thắng”, buộc cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải điều chỉnh chính sách. Các ngân hàng thực hiện các quy định chính sách theo hướng “cứ nỗ lực hết mình nếu không đạt thì cũng

không sao cả”. Và hậu quả của tình trạng này là các quy định pháp luật không được thực hiện nghiêm minh, vi phạm nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa. Cụ thể: i) làm giảm hiệu lực của quy định pháp luật trong thực tiễn; ii) không khuyến khích đối tượng quản lý thực hiện tốt pháp luật; iii) ảnh hưởng đến lộ trình tăng vốn của các NHTM trong tương lai; iv) suy giảm lòng tin của công chúng đối với quyết sách của Chính phủ.

Hay khi các ngân hàng thương mại công bố báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011, người ta thấy bức tranh sáng tối khác nhau về hiệu quả hoạt động kinh doanh của các TCTD với các loại hình doanh nghiệp khác. Nếu như các doanh nghiệp khác loay hoay tìm kiếm nguồn vốn kinh doanh để tránh đứng trước nguy cơ phá sản hoặc thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh thì các TCTD lại “hân hoan” với nguồn lợi nhuận khổng lồ thu được, nó hoàn toàn trái ngược với những lời kêu “lỗi” hoặc quá khó khăn của cộng đồng doanh nghiệp. Để tránh những tranh cãi kéo dài không có hồi kết, hàng loạt diễn giả đăng đàn “biện minh” cho con số lợi nhuận của ngân hàng là hoàn toàn “hợp lý” trong điều kiện nền kinh tế, cộng đồng doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Tuy vậy, dù có giải thích thế nào đi chăng nữa, các ngân hàng thương mại cũng rất khó “ăn nói” với dư luận xã hội về sự chênh lệch này. Bởi lẽ, kết quả lợi nhuận của TCTD có được một phần là kết quả của cuộc đua lãi suất huy động từ đầu năm 2011¹² mà có.

Bốn là, xuất phát từ tính rủi ro cao nên trong hoạt động, các TCTD có mối liên hệ với nhau cùng “hợp tác và cạnh tranh” nên cũng như những lĩnh vực kinh doanh khác, hoạt động kinh doanh ngân hàng cũng sẽ hình thành nên những nhóm lợi ích và sự chi phối của nhóm lợi ích này đến hoạt động kinh doanh của những chủ thể kinh doanh khác trên thị trường tiền tệ. Thực tế này dẫn đến nguy cơ xuất hiện hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh ngân hàng thứ tư, đó là sự chi phối, lạm dụng, của những nhóm lợi ích trong thực tiễn vận hành thị trường tiền tệ. Để khắc phục các sự chi phối của các nhóm lợi ích trong hoạt động ngân hàng, các chủ thể tham gia thị trường đã thành lập Hiệp hội Ngân hàng. Hiệp hội Ngân hàng được thành lập theo Quyết định số 247/TTg ngày 14/05/1994 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 131/TCCP, ngày 5/10/1994 của Bộ trưởng, Trưởng ban Tổ chức cán bộ Chính phủ công nhận Điều lệ Hiệp hội Ngân hàng; Quyết định số 43/2003/QĐ/BNV, ngày 1/8/2003 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam. Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam là tổ chức tự nguyện của các TCTD Việt Nam; hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự chịu trách nhiệm về mọi mặt, tập hợp, động viên các hội viên hợp tác, hỗ trợ nhau trong hoạt động kinh doanh; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên; làm cầu nối giữa các hội viên với cơ quan Nhà nước; nhằm ổn định và phát triển lành

mạnh, hiệu quả an toàn hệ thống các TCTD Việt Nam, qua đó góp phần thực thi chính sách tiền tệ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Năm là, nguy cơ thứ năm có thể làm xuất hiện hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh trong lĩnh vực ngân hàng, đó chính là sự tác động của thị trường tín dụng “chợ đen”, thị trường tín dụng phi chính thức đối với hoạt động kinh doanh của các TCTD (thị trường tín dụng chính thức). Ưu điểm của thị trường tín dụng “chợ đen”, thị trường tín dụng phi chính thức chính là ở thủ tục cho vay đơn giản, thuận tiện, người cho vay và người đi vay có thể “tiền trao, cháo múc” ngay sau khi thỏa thuận xong những nội dung của quan hệ vay mượn. Do đó, thị trường tín dụng “chợ đen”, thị trường tín dụng phi chính thức đáp ứng ngay lập tức nhu cầu sử dụng vốn của người dân trong nền kinh tế, nên nó thường được ưu tiên lựa chọn hơn so với thị trường tín dụng chính thức. Tuy nhiên, khi tham gia thị trường tín dụng “chợ đen”, thị trường tín dụng phi chính thức, người đi vay sẽ phải trả lãi suất cao hơn và có thể bị “siết nợ” bằng các biện pháp của xã hội đen. Do đó, trong con mắt của Nhà nước, thị trường tín dụng “chợ đen”, thị trường tín dụng phi chính thức thường đồng nhất với nguyên nhân của những bất ổn, bất công xã hội.

Bên cạnh đó, cũng cần nhìn nhận một nguy cơ tạo điều kiện cho thị trường tín dụng “chợ đen”, thị trường tín dụng phi chính thức có nguồn vốn hoạt động là sự tiếp tay của cán bộ tín dụng trong việc giải quyết cho vay đối với những đối tượng hoạt động trên thị trường tín dụng “chợ đen”, thị trường tín dụng phi chính thức để cho người có nhu cầu vay lại. Nếu tình trạng này không được kiểm soát chặt chẽ sẽ làm gia tăng rủi ro hệ thống, đe dọa sự phát triển an toàn hệ thống ngân hàng.

Sáu là, tác động của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển của công nghệ thông tin và việc áp dụng công nghệ cao vào hoạt động kinh doanh đòi hỏi trong quá trình tác nghiệp, nếu không cẩn trọng có thể tiếp tay cho các hành vi lạm dụng. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế buộc các TCTD phải “nhập khẩu” các quy tắc kinh doanh ngân hàng hiện đại. Song hành với các quy tắc kinh doanh ngân hàng hiện đại là bước chân của giới đầu tư và tội phạm quốc tế tham gia vào thị trường ngân hàng Việt Nam. Hệ quả của quá trình này là sự tham gia của các ngân hàng 100% vốn nước ngoài vào hoạt động tại Việt Nam¹³. Để tồn tại, các TCTD trong nước phải tìm mọi cách để giành và giữ thị trường, còn các TCTD nước ngoài để phát triển và thành công cũng phải tìm mọi cách để giành, giữ thị trường. Quá trình tranh giành thị trường đó sẽ là tiền đề cho các hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh.

4. KẾT LUẬN

Đạo đức kinh doanh nói chung, đạo đức kinh doanh ngân hàng nói riêng là kết quả của quá trình vận động và phát triển của nền kinh tế, văn hóa của mỗi quốc gia. Đạo đức kinh doanh cần được dựa trên nền tảng văn hóa vững chắc có như vậy, đạo đức kinh doanh mới có cơ sở để tồn tại. Quá trình vận động và phát triển của nền kinh tế quốc gia qua mỗi giai đoạn phát triển khác nhau sẽ làm cho nội dung của đạo đức kinh doanh ngày càng phong phú, đa dạng và sâu sắc hơn. Cốt lõi của đạo đức kinh doanh là mọi hoạt động kinh doanh phải vì con người, phục vụ con người và tạo điều kiện cho con người có cơ hội phát triển toàn diện. Để có được nền tảng đạo đức kinh doanh ngân hàng vững chắc cần có sự liên kết chặt chẽ giữa Nhà nước - Hiệp hội ngành nghề - TCTD - Dư luận xã hội.

¹Khoản 12 Điều 4 Luật các TCTD

²Ngô Thái Phụng (2011), *Đạo đức kinh doanh trong lĩnh vực ngân hàng*, Tạp chí thị trường tài chính tiền tệ số 18 (339) ngày 15 tháng 09 năm 2011, tr. 14 - 17

³Vũ Trọng Dung (2011), *Mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật trong việc điều chỉnh hành vi của con người*, Thông tin Khoa học xã hội số 8 năm 2011, tr.12

⁴Đại cương Văn hóa LienVietPostBank, <http://www.lienvietpostbank.com.vn/gioi-thieu/van-hoa-lien-viet/content/dai-cuong-van-hoa-lienvietbank>

⁵Đại cương Văn hóa LienVietPostBank, <http://www.lienvietpostbank.com.vn/gioi-thieu/van-hoa-lien-viet/content/dai-cuong-van-hoa-lienvietbank>

⁶Quản trị ngân hàng: Nỗi lo rủi ro đạo đức, <http://www.baobariavungtau.com.vn/vn/kinhte/90121/index.brvt>, Thứ ba, 20/9/2011, 06:47 GMT+7

⁷Nguyễn Hoài, Ngân hàng chống rủi ro đạo đức, <http://vneconomy.vn/20110901061936201P0C6/ngan-hang-chong-rui-ro-dao-duc.htm>, Thứ 5, 01/9/2011 21:16 (GMT+7)

⁸Ngân hàng chống rủi ro đạo đức, <http://fnews.vn/tai-chinh-ngan-hang/viet-nam/ngan-hang-chong-rui-ro-dao-duc.fns>, Thứ 5, 01/9/2011 21:16 (GMT+7)

⁹Ngân hàng chống rủi ro đạo đức, <http://fnews.vn/tai-chinh-ngan-hang/viet-nam/ngan-hang-chong-rui-ro-dao-duc.fns>, Thứ 5, 01/9/2011 21:16 (GMT+7)

¹⁰Khoản 1 Điều 4 Luật NHNN 2010

¹¹Xem thêm, Võ Thị Mỹ Hương và Viên Thế Giang (2011), Bàn về quyết định gia hạn tăng vốn pháp định của các tổ chức tín dụng Việt Nam, Tạp chí Ngân hàng số 14, tháng 7 năm 2011

¹²Xem thêm, Viên Thế Giang (2011), Hiệu quả chính sách nhìn từ cuộc đua lãi suất huy động của các tổ chức tín dụng Việt Nam, Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng số 9 năm 2011

¹³Xem thêm, Viên Thế Giang (2009), Ngân hàng 100% vốn nước ngoài - chủ thể cung ứng dịch vụ ngân hàng mới trên thị trường ngân hàng Việt Nam, Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng số 8 năm 2009.